

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 6**MÔN: TIẾNG ANH 4 EXPLORE OUR WORLD****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com****I. Choose the word whose main stress is placed differently from others.**

1.

A. sunny /'sʌni/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

B. umbrella /ʌm'brɛlə/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

C. raincoat /'reɪnkəʊt/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

=> Chọn B

2.

A. breakfast /'breɪkfəst/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

B. shampoo /ʃæm'puː/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

C. toothbrush /'tuːθbrʌʃ/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

=> Chọn B

3.

A. mirror /'mɪrər/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

B. eraser /ɪ'reɪzər/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

C. computer /kəm'pjʊ:tər/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

=> Chọn A

4.

A. father /'fɑːðər/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

B. pencil /'pensl/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

C. eraser /ɪ'reɪzər/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

=> Chọn C

5.

A. kitchen /'kɪtʃɪn/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

B. behind /brɪ'haɪnd/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

C. window /'wɪndəʊ/: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

=> **Chọn B**

II. Choose the correct answer.

1.

“She” là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít nên động từ chính trong câu cần được chia.

She **has** long black hair.

(Cô ấy có mái tóc dài màu đen.)

=> **Chọn A**

2.

Sau "Let's" ta dùng động từ nguyên thể không "to".

The weather is cool today. Let's **go** out for a walk!

(Thời tiết hôm nay mát mẻ. Đi dạo thôi nào!)

=> **Chọn C**

3.

Trong câu hỏi về số lượng, ta dùng "any" với danh từ số nhiều hoặc danh từ không đếm được.

Cấu trúc: Are there + any + danh từ đếm được số nhiều (+ giới từ + địa điểm)?

Are there **any** dishes in the kitchen?

(Có cái đĩa nào trong bếp không?)

=> **Chọn C**

4.

"Father" là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít nên dùng "Does" trong câu hỏi.

Cấu trúc câu hỏi Yes/No với trợ động từ ở thì hiện tại đơn:

Does + chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít + động từ nguyên mẫu + trạng từ chỉ thời gian?

Does your father eat breakfast at 6.30 in the morning?

(Bố cậu ăn sáng lúc 6 giờ 30 sáng phải không?)

=> **Chọn B**

5.

Trong câu khẳng định, ta dùng "some" với danh từ số nhiều.

Cấu trúc “There are” chỉ số lượng:

There are + some + danh từ đếm được số nhiều (+ giới từ + địa điểm)?

There are **some** rugs in my house.

(Có vài cái thảm trong nhà tôi.)

=> **Chọn A**

III. Read and match.

1. What's the weather like?	A. At 12:00.
2. What time do you have lunch?	B. Yes, they are.
3. Are these your shoes?	C. No, it's cold. Let's stay at home.
4. Are there two bookcases in your room?	D. It's sunny.
5. Let's go outside.	E. Yes, there are.

1 – D

What's the weather like?

(Thời tiết thế nào?)

It's sunny.

(Trời nắng.)

2 – A

What time do you have lunch?

(Bạn ăn trưa lúc mấy giờ?)

At 12:00.

(Lúc 12 giờ.)

3 – B

Are these your shoes?

(Đây là giày của cậu hả?)

Yes, they are.

(Đúng rồi.)

4 – E

Are there two bookcases in your room?

(Có 2 cái giá sách trong phòng của cậu phải không?)

Yes, there are.

(Đúng thế.)

5 – C

Let's go outside.

(Cùng ra ngoài đi.)

No, it's cold. Let's stay at home.

(Không, lạnh lắm. Hãy ở nhà thôi.)

IV. Read and complete. Use the given words.

book case chopsticks bedroom television kitchen

In my house, we have many things. In the living room, there is a big sofa and a small table. We also have a (1) _____ that we watch every evening. In the (2) _____ my family cooks with the stove and keeps food in the fridge. We also have some bowls, dishes, cups, and (3) _____ for eating. In my (4) _____, there is a bed, a desk, and a lamp. I have a big (5) _____ in my bedroom with a lot of books on it.

Đoạn văn hoàn chỉnh:

In my house, we have many things. In the living room, there is a big sofa and a small table. We also have a **television** that we watch every evening. In the **kitchen**, my family cooks with the stove and keeps food in the fridge. We also have some bowls, dishes, cups, and **chopsticks** for eating. In my **bedroom**, there is a bed, a desk, and a lamp. I have a big **bookcase** in my bedroom with a lot of books on it.

Tạm dịch:

Trong nhà tôi có rất nhiều đồ vật. Ở phòng khách, có một chiếc ghế sofa lớn và một cái bàn nhỏ. Chúng tôi cũng có một chiếc tivi mà mỗi tối cả nhà thường xem. Ở nhà bếp, gia đình tôi nấu ăn bằng bếp và lưu trữ thực phẩm trong tủ lạnh. Chúng tôi còn có một số bát, đĩa, cốc và đũa để ăn. Trong phòng ngủ của tôi, có một cái giường, một cái bàn học, và một chiếc đèn. Tôi có một chiếc giá sách lớn trong phòng với rất nhiều sách trên đó.

V. Rearrange the words to make correct sentences.

1. four/ Are/ your/ members/ family?/ there/ in

Are there four members in your family?

(Có bốn thành viên trong gia đình bạn không?)

2. any/ There/ in/ isn't/ the bathroom./ soap

There isn't any soap in the bathroom.

(Không có chút xà phòng nào trong phòng tắm.)

3. lunch? / you/ and / What time / eat / do/ your friends

What time do you and your friends eat lunch?

(Bạn và bạn bè ăn trưa lúc mấy giờ?)

4. Helen's/ Are/ friend's/ these/ jeans?

Are these Helen's friend's jeans?

(Đây có phải là quần jeans của bạn Helen không?)

5. This/ umbrella./ sister's/ my/ is

This is my sister's umbrella.

(Đây là ô của chị gái tôi.)